

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn , tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu C, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 29 Phan Đình Giót, tổ 04, phường H, thành phố P, Gia Lai. Có mặt;

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 29 Phan Đình Giót, tổ 04, phường H, thành phố P, Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2018, bản tự khai ngày 07-5-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 20-6-1977, không có đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng tại xã Phú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau đó bà và ông Lê Thanh T chuyển về sinh sống tại phường Hội Thương, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian này bà và ông Lê Thanh T sống rất hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T uống rượu gây gổ, đe dọa, đánh đập vợ con vô cớ. Sau đó bà và ông Lê Thanh T chuyển về sống ở

nhà con gái là Lê Thị Thanh C, tại số nhà 29, đường Phan Đình Giót, tổ 04, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Từ năm 2006 đến nay ông T vẫn thường xuyên uống rượu đe dọa, đánh đập vợ làm ảnh hưởng đến đời sống chung vợ, chồng và bà con láng giềng xung quanh. Mặc dù, bà đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương nơi ông T và bà đang sinh sống can thiệp, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Lê Thanh T không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, bà và ông Lê Thanh T có 03 con chung: Lê Thanh T1, sinh năm 1980 (đã mất năm 1999); Lê Thị Thanh C, sinh ngày 10-12-1981; Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002. Đối với con Lê Thị Thanh C nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án Giải quyết; còn cháu Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002 đến nay chưa đủ 18 tuổi, hiện đang sống chung với bà, cùng chị gái. Bà C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C1 và không có yêu cầu ông Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Bà và ông Lê Thanh T tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị Thu C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Thanh T để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai của cháu Lê Thị Thanh C1, con chung của bà C và ông Lê Thanh T có nguyện vọng được sống chung với bà C sau khi cha mẹ ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại tổ 04, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Bà C và ông Lê Thanh T có phát sinh mâu thuẫn, ông T thường xuyên đánh đập bà C, bà C có báo với chính quyền địa phương cùng Công an Phường đến can thiệp giải quyết nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn nhiều năm nay; Tổ trưởng dân phố 04 xác nhận theo đơn trình bày của bà Đỗ Thị Thu C ngày 20-8-2018 là đúng sự thật, được Ủy ban Nhân dân phường H xác nhận vào ngày 21-8-2018.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được Tòa án đã triệu

tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; không có bản khai, lời khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông Lê Thanh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 85, 89, 91, 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu C;

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thu C và ông Lê Thanh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì bà C tự nguyện không yêu cầu ông Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà C là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Đỗ Thị Thu C và ông Lê Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn trước ngày 03-01-1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, nên căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với ông Lê Thanh T, có địa chỉ tại tổ 04, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông Lê Thanh T có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1980 bà C và ông T sinh người con thứ nhất là anh Lê Thanh T1 (Đã mất), năm

1981 sinh người con thứ hai là chị Lê Thị Thanh C. Tại bản sao giấy khai sinh của chị Lê Thị Thanh C sinh ngày 10-12-1981 được đăng ký ngày 15-2-1985 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A, tỉnh Gia Lai, thể hiện cha là Lê Thanh T và mẹ là Đỗ Thị Thu C, như vậy lời khai của bà C về thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1977 là có cơ sở chấp nhận thuộc trường hợp xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, nên đây là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Lê Thanh T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Thanh T thường xuyên uống rượu, gây gỗ đánh, đập vợ con vô cớ đã được chính quyền địa phương can thiệp, nhắc nhở nhiều lần, nhưng không thay đổi vẫn cứ tiếp diễn nhiều năm nay, điều này có sự xác nhận của Tổ dân phố 04 theo đơn xin xác nhận của bà C đề ngày 20-8-2018. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung cùng với ông T, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông Lê Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên, áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Thu C theo quy định tại Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] *Về nuôi con chung*: Bà C và ông T có 03 con chung: Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1980 (Đã mất năm 1999); chị Lê Thị Thanh C, sinh ngày 10-12-1981 và cháu Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002. Đối với chị Lê Thị Thanh C nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Lê Thị Thanh C1 hiện đang sống chung với bà C tại số nhà 29, đường Phan Đình Giót, tổ 04, phường H là nhà của chị Lê Thị Thanh C con gái của bà C; bà C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thanh C1 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Thị Thanh C1; bà không có yêu cầu ông Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt điều kiện về phát triển thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần giao cháu Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 92; Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] *Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*: Xét thấy, bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó Tòa án không đề cập đến.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về án phí*: Bà C là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 85, 89, 91, 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thu C và ông Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thanh C1, sinh ngày 29-9-2002 cho bà Đỗ Thị Thu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà C đã nộp theo biên lai số 0003519 ngày 07-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Như vậy Bà Đỗ Thị Thu C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Công Tôn

